

Số: 3167/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh
phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19
theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp
khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động
và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND
tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động
và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND thành phố Long Biên Hòa tại Tờ trình số 13283/TTr-
UBND ngày 02 tháng 9 năm 2021 và Văn bản số 13510/UBND-KTNS ngày 05
tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại
Tờ trình số 356/TTr-LĐTBXH ngày 05 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm
ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số
23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa
bàn thành phố Biên Hòa, gồm 478 hộ kinh doanh với tổng kinh phí là
1.434.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

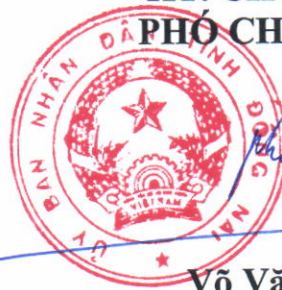
Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các hộ kinh doanh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH BỊ TÂM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 09 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT đồng

I. DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH CÓ NỢ THUẾ

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)	(11)	
I. Phường Tân Hạnh									
1	Đỗ Văn Anh	3501183550	47A8046035	250439393	27C kp1	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
2	Lương Thị Tuyết	3702379698	47A8058033	174632643	126 kp4	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
3	Nguyễn Duy Chiến	3603464102	47A8053767	272709440	373 kp4	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
4	Ngô Kim Phương	8079811681	47A8064153	271263763	tổ 18 kp1	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
5	Lê Thị Mỹ Hạnh	3603728806	47A8063245	271143797	182A kp1	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
6	Nguyễn Vương Đào	3600793356	47A8032465	250791748	112A kp1	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
7	Huỳnh Văn Nam	8213840865	47A8036564	270142743	12A kp1	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
8	Hồ Thanh Châu	3602712916	47A8001221	272387950	396 kp3	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
2. Phường An Hòa									
9	Nguyễn Thị Thám	3603388081	47A8049899	272529357	7khu phố 3, TĐC Sơn Tiên, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
10	Huỳnh Thanh Sang	3600234809	47A8034229	272031175	1114, tổ 21, khu phố 2, P. An Hòa	10/7/2021	3,000,000		
11	Tăng Thiệu Nga	3603063333	47A8038428	272172964	60, tổ 1, khu phố 3, P. An Hòa	09/7/2021 - 23/8/2021	3,000,000		
12	Lương Thị Minh Hiếu	8041097997	47A8052385	271331792	485, tổ 1, khu phố 1, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
13	Đỗ Thị Châm	8624361499	47A8067622	36176008012	84, khu phố 4, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
14	Phạm Thị Trúc Linh	8041794927	47A8066947	271405778	750B Tổ 15 kp2 An Hòa	12/7/2021	3,000,000		
15	Nguyễn Thành Tuyền	8047504688	47A8047502	272031941	529A, tổ 12, khu phố 2, P. An Hòa	16/7/2021	3,000,000		
16	Nguyễn Thị Thủy Liễu	8442548118	47A8068087	270747365	643, tổ 14, khu phố 2, P. An Hòa	03/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
17	Trần Thị Ngọc Trâm	8101330136	47A8052438	270945807	73, tổ 2, khu phố 2, P. An Hòa	15/7/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
18	Đào Thị Do	3600733822	47A8032933	270729749	908, tổ 18, khu phố 2, P. An Hòa	30/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
19	Nguyễn Thanh Phong	3603213860	47A8043093	271349980	526, khu phố 2, P. An Hòa	30/5/2021 - 08/8/2021	3,000,000		
20	Nguyễn Quốc Việt	3603626949	47A8061825	271529676	72, tổ 2, khu phố 2, P. An Hòa	12/7/2021	3,000,000		
21	Nguyễn Thị Hà	8083836181	47A8034198	272037943	1007, khu phố 2, P. An Hòa	10/7/2021	3,000,000		
22	Nguyễn Thị Nga	8534029049	47A8067462	245231809	222, khu phố 2, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
23	Phạm Thị Ngọc Thu	3600385727	47A8030204	270670008	kios4, chợ An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
24	Nguyễn Huy Hiệu	3601077884	47A8037431	271326952	44, khu phố 2, P. An Hòa	16/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
25	Phan Trọng Hoàng	3602665293	47A8064772	271606926	74, tổ 15, khu phố 2, P. An Hòa	10/7/2021 - 23/8/2021	3,000,000		
26	Trịnh Văn Hận	3603140700	47A8033801	270237556	338, tổ 9, khu phố 2, P. An Hòa	01/8/2021	3,000,000		
27	Dương Thu Hiền	3602453820	47A8028426	270945215	524, tổ 12, khu phố 2, P. An Hòa	09/7/2021	3,000,000		
28	Đoàn Thị Hữu Nghĩa	3600719049	47H8000449	270737185	736, tổ 15, khu phố 2, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
3. Phương Bưu Long									

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
29	Châu Mỹ Hà	3601520288	47A8047191	271263370	16/2 tổ 14 kp2, P. Bừu Long	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
30	Hà Thúc Lịch	3603305529	47A8046983	225058223	6/5D tổ 8 kp2, P. Bừu Long	25/6/2021- 31/8/2021	3,000,000		
31	Lê Minh Phúc	8379664685	47A8058805	272037632	A1 đường N2-D1 kp1, P. Bừu Long	1/6/2021- 31/8/2021	3,000,000		
32	Lê Thị Tâm	3602497112	47A8020157	270167535	16/9C tổ 11 kp2, P. Bừu Long	31/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
33	Lý Đức Cường	3600403013	47A8000683	271317557	10/5A tổ 7 kp2, P. Bừu Long	10/6/2021- 31/8/2021	3,000,000		
34	Lý Thị Hạnh	3600903009	47A8001448	270859287	7/7bis tổ 8 kp2, P. Bừu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
35	Nguyễn Đình Phú	3601299728	47A8023148	270093143	28/5B tổ 3 kp1, P. Bừu Long	1/8/2021- 31/8/2021	3,000,000		
36	Nguyễn Ngọc Tư	3600442397	4707003556	270167687	1/1 tổ 4 kp1, P. Bừu Long	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
37	Nguyễn Thanh Hải	8093618792	47A8052865	272998994	10/1 kp2, P. Bừu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
38	Nguyễn Thị Hương	3600348242	4707003042	271904872	16/8D tổ 20 kp3, P. Bừu Long	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
39	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	3603080018	47A8054593	077176001468	579/26 tổ 22 kp4, P. Bừu Long	9/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
40	Nguyễn Trọng Thành	8054750194	47A8063754	271458448	H107C hẻm 728 kp, P. Bừu Long	15/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
41	Ông Văn Thông	3603217135	47A8040558	270859402	7/8B tổ 20 kp3, P. Bừ Long	1/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
42	Phạm Nhật Tú	3601076513	47A8056624	271599131	C31 KDC Kp1, P. Bừ Long	15/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
43	Phan Thanh Xuân	3601049622	47A8043361	271347510	C14A, KLK kp1, P. Bừ Long	1/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
44	Võ Minh Triết	3603459871	47A8053502	270839889	13/2, KP3 P. Bừ Long	9/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
45	Võ Văn Luận	8452024064	47A8061800	215109070	29 tổ 26 kp4, P. Bừ Long	30/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
46	Vũ Thị Phương Từ	3603053014	47A8037518	272079468	77 HVN tổ 1 kp1, P. Bừ Long	1/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
4. Phường Tam Hòa									
47	Nguyễn Thị Thanh Hải	3603018852	47A8037280	272248097	750/30, Tổ 17, Kp2, p. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
48	Hồ Bá Ngọc	8104632865	47A8043255	271552038	Tổ 13, Kp2, P. Tam Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
49	Phạm Thị Quý	3603692437	47A8065647	271668025	838, Xa lộ Hà Nội, Kp2, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
50	Hoàng Vũ Phương Trâm	8590603475	47A8062658	271336186	41/9C, Kp2, Hồ Văn Leo, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
51	Trần Thanh Nhân	8087913824	47A8046070	271517203	99/21C, Kp2, P. Tam Hòa	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
52	Nguyễn Thị Lý	3600318914	47A8020118	270721058	60, Hồ Văn Leo, Kp2, P. Tam Hòa	01/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
53	Nguyễn Vương Hoàng Thi	3603622260	47A8060189	271599087	Chợ Tam Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
54	Nguyễn Thị Nhỏ	3600686636	47A8007092	272178111	9/7, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
55	Đinh Thị Minh Thùy	8345642524	47A8057449	271289766	19/61E, Kp2, P. Tam Hòa	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
56	Hồ Thế Việt	3600341430	470700090	271296975	213/42A, Kp2, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
57	Nguyễn Thị Ngọc Hương	3602564383	47A8070323	270720656	112, Kp1, P. Tam Hòa	10/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
58	Đinh Thụy Thoại Trân	3602453732	47A8028677	271303167	22/5, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
59	Phạm Thị Hải Yến	8313209269	47A8061180	271745893	20/4B, Tổ 17, Kp2, P. Tam Hòa	04/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
60	Nguyễn Hữu Chính	3602860456	47A8024837	271401691	02./48-49, Kp3, P. Tam Hòa	22/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
61	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	8031183397	47A8070013	271517242	9/2, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
5. Phường Hóa An									
62	Lê Thị Trọng	3601000440	47A8019303	270858949	Chợ Hóa An	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức để nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
63	Trịnh Ngọc Tùng	8323274838	47A8063501	271776778	Tổ 8C, Kp. Đồng Nai	30/5/2021 - 31/12/2021	3,000,000		
64	Diệp Thanh Hùng	3603543386	47A8058001	272457786	6/5A Hoàng Minh Chánh	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
65	Ôn Quốc Thành	3600717919	47A8034270	270650642	139c Kp. An Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
66	Nguyễn Văn Hào	3600286821	47A7003592	270093376	59/20 Kp. An Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
67	Huỳnh Thanh Tâm	3601456000	47A8034277	271422532	Số 2411/1, Nguyễn Ái Quốc	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
68	Nguyễn Thị Tuyền	3601474088	47A8048968	271841371	Tổ 8B, Kp. Đồng Nai	11/7/2021 - 15/9/2021	3,000,000		
69	Đinh Hữu Sơn	3601601850	47A8055194	182251995	P. Hòa An	11/7/2021 - 5/9/2021	3,000,000		
70	Nguyễn Thị Lệ	3602967801	47A8044032	017004972	Sạp C17, Chợ Hòa An	11/7/2021 - 30/8/2021	3,000,000		
71	Hoàng Thị Thảo	3600855450	47A8018997	272369476	Chợ Hòa An	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
72	Hoàng Thị Thu	3602591933	47A8029162	046169000169	Chợ Hòa An	09/7/2021 - 31/8/2022	3,000,000		
73	Lại Bá Lập	3601464185	47A8038219	270750863	5/2c Tổ 1, Kp. Đồng Nai	10/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
74	Nguyễn Thị Oanh	3603725918	47A8067417	272816802	c31-32 Chợ Hòa An	11/7/2021 - 30/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
75	Mai Thị Thanh Thủy	3603472551	47A8054222	024477238	49/13B, Nguyễn Ái Quốc	09/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
76	Lê Thị Kim Lang	3600855041	47A8008083	272794685	79/2B Kp. Bình Hòa	26/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
6. Phường Tân Hiệp									
77	Nguyễn Văn Tú	3601904157	47A8068240	023437401	104B/3 Tổ 8A KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
78	Phạm Thị Thanh Hương	36033322228	47A8047927	037166001103	102/2A2 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
79	Danh Thị Kim Chi	3602729275	47A8033564	270039050	512/1/48 Tổ 3 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
80	Nguyễn Trọng Định	8006134082	47A8066627	281426702	829 NAQ Tổ 3 KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
81	Nguyễn Hoài Sơn	3600336198	47A8040632	271671304	222A NAQ KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
82	Nguyễn Ngọc Sơn	3603492565	47A8055670	272287470	214/15 Tổ 3 KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
83	Nguyễn Thị Tâm	3600336399	47A8008837	037164002938	863 Tổ 6 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
84	Trương Kim Vân	3600995521	47A8022050	271400555	2A Tổ 4KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
85	Trương Quốc Bảo	8561905104	47A8061233	271583280	8 Tổ 4 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
86	Trần Văn Đây	3603449577	47A8052847	270062121	55B Tổ 6 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
87	Nguyễn Văn Nhân	3603242389	47A8046254	191584474	49 Tổ 6 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
88	Cao Tín	8402799972	47A8051215	211681053	15A Tổ 5 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
89	Đỗ Văn Huân	3603334015	47A8053348	036084000889	27 Tổ 5 KP2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
90	Trần Nguyễn Huy	3601404274	47A8047987	271506886	20A KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
91	Nguyễn Phúc Thịnh	3603070806	47A8038807	271890157	1083 Tổ 2 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
92	Vũ Xuân Đại	8520833394	47A8065844	036088012419	16B Tổ 5 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
93	Phạm Thị Chi	8128116429	47A8068636	271976907	1039 Tổ 5 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
94	Trần Từ Thái	3603382562	47A8049650	186995675	B28 Tổ 18 KP5	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
95	Nguyễn Thị Quyên	8041696260	47A8069236	271454672	B10 Tổ 18 KP5	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
96	Bùi Ngọc Tuấn	0312222544	47A8045142	025116401	476 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
97	Nguyễn Hồng Quân	8318821570	47A8055967	271844355	484 Tổ 1 KP3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
98	Phan Trọng Đại	3603600330	47A8060810	036086007476	500 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
99	Nguyễn Thanh Bình	3603454552	47A8054608	030681001377	506 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
100	Đỗ Văn Thắng	3601679416	47A8023205	272203632	508/22 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
101	Trần Nam Hưng	8329834250	47A8052251	271574418	152A1 Tổ 7 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
102	Dương Ngọc Lân	8021164885	47A8054985	273254043	566 KP 4	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
103	Trần Thị Quyên	3602620408	47A8018508	271420619	SẠP 18 Chợ TH	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
104	Trần Văn Linh	3600414128	47A8007850	271490834	771 KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
105	Hoàng Thị Tam	3603549902	47A8011975	271511633	6 Tổ 2 KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
106	Nguyễn Thị Thường	3603508462	47A8059970	272272074	SẠP 150,151	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
107	Trương Công Hải	3603308262	47A8052501	272750241	85/4X Tổ 15B, KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
108	Phi Quốc Chí	3602982285	47A8056721	271645128	104A Tổ 7 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
109	Tạ Ngọc Tuấn	8500636969	47A8059307	272661273	480 ĐK KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
110	Trần Thị Hiền	3600629003	47A8007885	040173002963	130-140 LC CHỢ TÂN HIỆP	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
111	Đào Văn Rinh	3603044725	47A8036474	272463505	14B Tổ 6 KP1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
112	Nguyễn Lệ Huyền Ngọc	8531225207	47A8057554	271511097	845 NAQ KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
113	Nguyễn Trần Giang	8329107657	47A8063058	272049524	847 NAQ KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
114	Nguyễn Thị Diễm Trang	8133096908	47A8069496	271881269	809 Tổ 3 KP 1	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
115	Bùi Thị Hương	3603044732	47A8035844	272546822	B206 Tổ 16 KP 5	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
116	Phan Thanh Kiều	8118738163	47A8038337	271706691	C324 Tổ 17 KP 5	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
117	Nguyễn Như Dương	8055709304	47A8053176	271956089	B144 Tổ 18 KP 5	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
118	Đỗ Khắc Hưng	3600497678	47A8003057	038072014109	13/3 KP 3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
119	Đào Thanh Sơn	3603579142	47A8059597	77083001379	504, DK, KP3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
7. Phường Tân Mai									
120	Đinh Hữu Thọ	3602573860	47A8030732	270672183	Tổ 37 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
121	Nguyễn Văn Quang	3600273269	47070003408	270080909	113/562 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
122	Dương Thị Anh Nguyệt	3603297934	47A8046539	230866389	840 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
123	Nguyễn Thành Mỹ	3603105255	47A8039867	271744137	1078 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
124	Phạm Thị Kim Lan	3600492221	47A8139860	270086973	42/210 KP3 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
125	Bùi Thị Yến	3600778372	47A8012279	270504977	203A KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
126	Phạm Thị Lin	3600968609	47A8014270	270057546	51/253 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
127	Vũ Văn Sĩ	3603290569	47A8045998	270674762	44B/2 KP5 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
128	Tô Mạnh Hùng	3603277977	47A8061109	025263640	55/272 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
129	Đỗ Tiến Dũng	3601412412	47A8022867	270805965	80/4B KP6 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
130	Vũ Minh Nhật	3603456775	47A8053277	271971948	Tổ 42 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
131	Nguyễn Văn Chi	8522632245	47A8065206	272149040	1023/64/6 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
132	Nguyễn Thị Hệ	3603642323	47A8062724	186793275	248 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Họ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
133	Phạm Hoài Tố Quyên	3603622824	47A8061606	271767519	213 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
134	Mai Thị Kim Chi	3602304346	47A8028113	270694979	114/1 KP6 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
135	Nguyễn Thị Lụa	3603663789	47A8066083	121593761	219 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
136	Lý Hiệp Bình	3600436315	47A8004503	270782146	243 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
137	Nguyễn Hữu Việt	8328214021	47A8067081	272128272	217 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
138	Trần Thanh Phúc	3603372405	47A8049138	280981839	51/266A KP1 Tân Mai	10/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
139	Vũ Đình Thái	3601027259	47A8019639	271099468	174/4 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
140	Trần Huy Công	3603276797	47A8045199	250455615	952 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
141	Vũ Xuân Khải	3600301290	47A8010525	271105889	28/5E KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
142	Nguyễn Thị Mận	3600640007	47A8001290	270086476	940 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
143	Phạm Thị thanh Tâm	3600274784	47A8001283	271040266	58/286 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
144	Nguyễn Đức Thuận	8203066723	47A8057378	270805984	87/434 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
145	Nguyễn Xuân Trường	3600274336	47A8034563	270085864	55/274 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
146	Phạm Hải Nam	3600390893	47A8003750	271501359	932 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
147	Trần Vinh Chung	3603446008	47A8053869	272069854	968 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
148	Trần Thị Kim Oanh	3603516142	47A8057020	270971044	966 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
149	Lê Ngọc Dự	8341535708	47A8057533	221364136	183 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
150	Trần Thị Lan Hương	3603597423	47A8059935	272899162	215 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
151	Trần T Xuân Hương	8034828445	47A8026696	271691241	2/7 KP3 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
152	Kim Ngọc Hòa	3600282859	47A8026793	270970845	29/142 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
153	Nguyễn Thị Kim Trân	3600912388	47A8020238	271159617	102/509 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
154	Đào Thị Phương Loan	8116794821	47A8065784	271644985	69 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
155	Phạm Thị Miên	3602658810	47A8047562	271990638	120A/24 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
156	Dương Xuân Hưng	8006437062	47A8060324	271919426	3 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
157	Phan Tiến Dũng	8033826759	47A8053524	271698752	248/5 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
158	Bùi Thị Hiền	3600274625	4707001464	270076832	54/270 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
159	Phan Thị Minh Thuận	3600488948	4707000327	272266336	96/476 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
160	Vũ Thị Thơm	3600671534	47A8005206	270110546	983/17 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
161	Nguyễn Thị Hòa	3600639869	47A8014876	170620934	277/5 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
162	Lương Văn Xuân	36032290181	47A8058304	245285503	72B KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
163	Nguyễn Phú Cường	8318945470	47A8065771	272155034	41/203 KP3 Tân Mai	10/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
164	Lê Ngọc Thùy Tiên	3603413595	47A8069491	174777888	253 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
165	Lê Thị Thủy	3601806664	47A8030793	271517123	12/125B KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
166	Bùi Thị Mai Hương	8083457218	47A8057990	271609967	5/1 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
167	Nguyễn Huy Hà	3600927137	47A8058277	271885461	160/4 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
168	Bùi Xuân Tiên	8450955269	47A8067986	23958965	44 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
169	Nguyễn Văn Cương	3603359002	47A8062418	121702868	153/4B KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
170	Lê Thị Tiểu Nhi	3600403574	47A8004520	271240827	5/6B KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
171	Bùi Thị Loan	8025936846	47A8046976	276032350	148 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
172	Nguyễn Phạm Thùy Vân	8524066517	47A8032467	272087524	50/250 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
173	Đinh Thanh Phước	3601592109	47A8052630	271018552	4 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
174	Đặng Phi Nga	3603685408	47A8064071	272479558	17/78 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
175	Nguyễn Thị Huệ	3603708510	47A8048510	272601787	305 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
176	Vũ Trung Tín	8351025590	47A8060149	272267188	91/454 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
177	Trần văn Quảng	3603622888	47A8061653	272119338	57/285 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
178	Đỗ Thị Hằng	3600302061	47A8005119	270085907	Chợ Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
179	Nguyễn Thị Bích Dung	3600506410	47A8005118	270780842	Chợ Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
180	Nguyễn T Ánh Giang Nguyệt	3600628017	47A8005117	270951052	Chợ Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
181	Lưu Huy Nam	3603389769	47A8049947	34087002151	22/5 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
182	Vũ Công Nam	3603066246	47A8037675	162386756	219 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
183	Đào Thị Thu Hà	8253945800	47A8035619	271455423	266/5 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
184	Trần Thị Thu Hương	3600933275	47A8005116	271481049	Chợ Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
185	Cao Thị Thanh Mai	3601317857	47A8033556	270079103	118 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
186	Nguyễn Thị Thu Hương	3603591580	47A8063153	272477571	106 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
187	Trần Xuân Vinh	3603421691	47A8051561	260994177	103 KP2 Tân Mai	01/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
8. Phường Tân Tiến									
188	Trần Thanh Thắng	8041511939	47A8065097	271802751	128/2/6, kp3	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
189	Phạm Văn Phúc	8134598731	47A8061729	212772647	112, Phan Trung,kp7	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
190	Trịnh Ngọc Bích	3601522704	47A8062478	272061856	128, Phan Trung, kp7	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
191	Lê Thị Bích Châu	8292161510	47A8067868	272037892	18, Dương Từ Giang, KP 2	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
192	Cao Thị Hương Trang	8409597171	47A8057068	272466138	27,DTG,kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
193	Nguyễn Văn Hợp	8356059970	47A8052787	272170795	20 DTG, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
194	Nguyễn Minh Thế	3601677521	47A8057226	271293386	kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
195	Lê Hoàng Anh	8035884844	47A8064809	341305811	250/6, KP7	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
196	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	3601513749	47A8067490	271792586	229, PVT, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
197	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	8678329614	47A8070939	272921569	194, Phan Trung, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
198	Đình Thị Nga	8056770541	47A8039157	271792939	36A,kp3	9/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
199	Lê Văn Giáp Hậu	3603682446	47A8065203	191530661	142/15, KP6	9/7/2021- 28/8/2021	3,000,000		
9. Phường Phước Tân									
200	Phạm Thị Tình	3603311346	47A8047294	025076191	Tổ 7 Tân Mai 2 Phước Tân	10/7/2021	3,000,000		
201	Bùi Trọng Nhã	8035865224	47A8044105	271331509	Tổ 24, Tân Mai 2, Phước Tân	5/6/2021	3,000,000		
202	Thân Thị Thủy	3603373381	47A8049112	121873273	Tổ 12, KP Miếu	1/7/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
203	Trần Vĩnh Thuận	3603687807	47A8065468	272781416	381, Tổ 13, KP Miếu	1/7/2021	3,000,000		
204	Nguyễn Lâm Biên	3603533363	47A8057752	272699955	5, Tổ 12, Ấp Miếu	1/7/2021	3,000,000		
205	Nguyễn Phan Vương Tuấn	3600795057	47A8040571	271256025	Tổ 2, Ấp Miếu, Phước Tân	1/7/2021	3,000,000		
206	Bùi Văn Sang	8109188428	47A8048948	271125492	Tổ 3, Ấp Miếu	27/7/2021	3,000,000		
207	Châu Minh Hiếu	8662619614	47A8068949	271607624	180, tổ 4, KP Miếu	10/7/2021	3,000,000		
208	Đinh Thị Nguyệt	3603544823	47A8058103	272926251	Tổ 12, KP Miếu	11/7/2021	3,000,000		
209	Nguyễn Đức Chính	3603356442	47A8048516	272463026	Tổ 11, KP Miếu	9/7/2021	3,000,000		
210	Nguyễn Văn Chiến	8330451051	47A8054677	271452148	257A, tổ 8, KP Miếu	11/7/2021	3,000,000		
211	Võ Văn Cang	3600365248	47A8043858	270046736	Ấp Miếu Phước Tân	15/7/2021	3,000,000		
212	Nguyễn Thị Thu	3603370493	47A8049072	272662541	258A, Tổ 8, Ấp Miếu	1/7/2021	3,000,000		
213	Nguyễn Đức Sơn	3603220226	47A8067825	271089879	79, KP Hương Phước	12/7/2021	3,000,000		
214	Nguyễn Văn Dũng	8066097364	47A8043535	271325163	24, Tổ 6, KP Hương Phước,	10/7/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
215	Lê Quang Ninh	3601022772	47A8071572	271414694	15B, tổ 26, KP Tân Mai	11/7/2021	3,000,000		
216	Vũ Thị Ngọc Tuyết	3602399073	47A8029693	370800165	Tổ 9 Ấp Tân Mai 2	11/7/2021	3,000,000		
217	Hoàng Văn Sản	8319693106	47A8040436	370177286	Tổ 9 Ấp Tân Mai Phước Tân	1/7/2021	3,000,000		
218	Phạm Huy Hoàng	3602646082	47A8070557	271125093	16, tổ 4, KP Tân Mai	1/7/2021	3,000,000		
219	Trần Bích Thủy	3602393498	47A8044789	271123976	ấp Tân Mai 2	10/7/2021	3,000,000		
220	Phạm Bùi Thanh Tú	8027099819	47A8044943	271607648	Tổ 11 Tân Mai Phước Tân	1/5/2021	3,000,000		
221	Trương Văn Hậu	3602640002	47A8032767	272147448	Tổ 2B, ấp Tân mai 2, xã Phước Tân	30/4/2021	3,000,000		
222	Cao Ngọc Quyết	3603446833	47A8052677	272052511	17, tổ 4, KP Tân Mai	10/7/2021	3,000,000		
223	Phan Thị Bảy	3603116761	47A8040008	272489629	121, tổ 2, KP đồng	11/7/2021	3,000,000		
224	Phạm Thị Vân	3603182404	47A8041686	271521982	Tổ 5, KP Đồng	11/7/2021	3,000,000		
225	Mai văn Hùng	3602486537	47A8031195	272588024	988, Q151, KP Đồng	11/7/2021	3,000,000		
226	Đàm Hữu Gia	3600717210	47A8033129	271190956	158A, KP Tân Cang	1/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
227	Trần Tuyết Trinh	8180036818	47A8057563	271607404	563, Đình Quang Ân, KP Tân Cang	8/5/2021	3,000,000		
228	Đỗ văn Tư	8246373542	47A8065017	272123054	Tổ 18A, KP Tân Cang	15/5/2021	3,000,000		

10. Phường Tam Hiệp

229	Nguyễn Tự Lập	3600526713	47A8001321	271478646	102/28A KP1 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
230	Ngô Thanh Hoàng	3600781329	47A8011866	270871772	209/39 KP1 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
231	Đinh Thị Thủy Đan	8490306239	47A8060265	271671667	119 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
232	Phạm Thị Bắc	3603453862	47A8053064	151279865	850 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
233	Lê Xuân Hạnh	3601157498	47A8004234	271356771	29/8 KP6 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
234	Phùng Thị Ánh Tuyết	3601411930	47A8037928	271183866	276/2 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
235	Đinh Xuân Khai	3603595056	47A8060494	272339796	172 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
236	Nguyễn Anh Tuấn	0307396760	47A8001385	271352661	29/6A KP6 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
237	Nguyễn Thị Như Lan	3602875445	47A8049806	271231302	25/72A, KP8 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
238	Hồ Thị Hồng	3600889650	47A8005394	272067763	42/34 KP6 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
239	Phan Thị Ánh Tuyết	8340595831	47A8069386	272015103	793/5 KP4 P. Tam Hiệp	1/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
240	Hoàng Liên Sơn	0308122970	47A8049000	270781073	27/1 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
241	Bùi Văn Tuấn	3603052116	47A8055636	272600678	131 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
242	Nguyễn Thị Hải Yến	3600945337	47A8006730	271478356	21B/16E, Kp6	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
243	Nguyễn Văn Hà	3603186303	47A8041832	272312500	21A/16E Kp6	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
244	Nguyễn Quang Hiến	3601232339	47A8062860	270892488	63 KP6 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
245	Nguyễn Thị Ngọc Phương	8082410111	47A8006006	075174001578	21/16E KP6 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
246	Nguyễn Anh Dũng	3602336210	47A8053981	270780778	1/4 KP7 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
247	Nguyễn Hiệp Thành	3600643590	47A8056016	271630143	649 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
248	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8455081303	47A8058064	272457496	A28 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
249	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	3602498042	47A8004924	272178467	216/22 KP2 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
250	Trần Thị Lan	3602927679	47A8035210	191555771	21/1B KP8 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
251	Tạ Xuân Cao	3602642627	47A8031930	272339747	350 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
252	Nguyễn Ngọc Huy	8203066547	47A8047815	270962286	18/8 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
253	Nguyễn Thị Ngọc Bích	3600289565	47A8047043	270695499	715 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
254	Phan Hải Phương	3600807601	47A8013470	271471529	884C/6 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
255	Chu Văn Hiền	3600889562	47A8001624	270703712	884C/6 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
256	Nguyễn Hữu Toàn	8041534358	47A8033262	270781392	377/3 KP4 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/12/2021	3,000,000		
257	Lê Võ Anh Linh	3603219767	47A8043356	272067523	91/10 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
258	Lã Thị Then	3600656945	47A8006025	270234902	755 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
259	Trương Thị Xuân	3600277633	4707002010	270104399	785 kp5 p. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
260	Nguyễn Quang Minh	3600278595	4707002998	270104389	144/6 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
261	Đinh Ngọc Đình Trâm	3603472262	47A8054307	272312349	594 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
262	Phạm Hoài Duy	3603642394	47A8062740	272561460	759 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
263	Vũ Thị Huệ	3600944781	47A8007023	270660875	141/10 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
264	Bùi Nam Việt	3600276559	47A8004189	270104716	141A/10 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
265	Phạm Thị Minh Phương	3601651259	47A8067746	271610597	803 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
266	Lê Thị Hậu	3600475610	4707002524	270696419	775 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
267	Đinh Minh Thanh	3602451326	47A8046827	270104416	147/1A KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
268	Hoàng Minh Đức	3601411987	47A8021533	271471391	144/13 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
269	Nguyễn Thành Tiến	3600282457	47A8023638	270872565	797 KP5 . Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
270	Phạm Thị Tình	3603587418	47A8060034	272816326	377/3 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
271	Vũ Minh Tâm	8063662346	47A8069903	271767755	19/1 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
272	Đào Thị Mai Lan	8203051156	47A8057217	271358052	140/8A KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
273	Nguyễn Hồng Tuyết Vân	0309241850	47A8030551	023815329	2/32 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
274	Phạm Thị Minh Tâm	3600881732	47A8060354	270082948	670 KP8 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
275	Nguyễn Thị Thanh Hồng	3603219887	47A8043338	272049515	386/56A KP1 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
276	Phùng Cả Mạnh	3600690470	47A8008236	271444820	2/27A KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
277	Đình Đức Trí	8203064437	47A8049867	271105570	Tổ 4 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
11. Phường Hòa Bình									
278	Mai Hữu Nghĩa	3603514272	47A8056452	271142369	5/4 CMT8 KP5	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
279	Ngô Thị Ron	3600402059	47A8025798	270224047	184 NVT KP5	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
280	Phan thị Phương Yến	3603399164	47A8050324	272150143	47C KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
281	Hà mạnh Hùng	3600780082	47A8013945	272815119	103 CMT8 KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
282	Hoàng Minh Đông	3600755713	47A8010324	272098423	54, Hoàng Minh Châu, KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
283	Trần Thị Lý	3600499160	4707001456	270971328	27 A Quang trung KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
284	Trần Ngọc Liên	3600714932	47A8007255	270067777	27 PCT KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
285	Đỗ Thị Phương Loan	3600320335	47A8024571	272337719	54/56 BVH KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
286	Lê Vũ Thùy An	3603434362	47A8052123	272359359	207 CMT8 KP4	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
287	Lê Thị Thu Hà	3603314185	47A8047358	270711160	57 CMT8 KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
288	Vũ Đình Thuận	3601771450	47A8023781	270730910	99 B PCT KP3	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
289	Nguyễn Thị Hồng Loan	3603070482	47A8038781	271293984	sạp K27 chợ Biên Hòa	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
290	Trần Văn Hồ	3600322117	4707000114	270009740	293/104 CMT8 KP5	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
291	Huỳnh thị Oanh	3601387893	47A8024004	270057465	36 HVL KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
292	Trần Thị Kim Thủy	3600894192	47A8019106	271622297	sạp K20 chợ Biên Hòa	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
293	Trần Bạch Tuyết	3600323713	47A8002618	270392280	69 PCT KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
294	Bùi Thị Gái	3603217657	47A8043259	272477459	267, CMT8, KP4	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
295	Trần Kim Huệ	3600311884	47A8025455	271062456	sạp K19 chợ Biên Hòa	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
296	Lê Thị Kim Phượng	3600966351	47A8009692	270360944	51 B PCT KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
297	Trần Thị Sơn Hậu	3600277312	47A8004231	270095671	43 PCT KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
298	Nguyễn Thị Thu Hương	8242581816	47A8058340	270083004	1/1 CMT8 KP5	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
299	Ngô Vĩnh Nghi	3602876745	47A8040925	271292413	42 HVL KP1	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
300	Phan Thị Hồng	3600857458	47A8025903	270000616	C4 chợ Biên Hòa	13/7/2021-31/8/2021	3,000,000		

12. Phường Hồ Nai

301	Tà Thanh Bình	8093717521	47A8071334	271683419	33/50 kp7	31/7/2021	3,000,000		
302	Nguyễn Thị Kim Lan	3603537953	47A8057865	271401773	4/43 kp7	11/7/2021	3,000,000		
303	Vũ Thị Nhung	8283424717	47A8042917	270393495	23/42 kp7	11/7/2021	3,000,000		
304	Vũ Thị Thùy Trang	8017310420	47A8063935	271506199	1A/49 kp7	10/7/2021	3,000,000		
305	Trương Thị Ngọc	3600700954	47A8007228	270993891	349 kp7	1/7/2021	3,000,000		
306	Phạm Quốc Sứ	3600672457	47A8006932	271391821	1/50 kp7	5/5/2021	3,000,000		
307	Trần Lệ Thanh	3602922624	47A8035399	2707309931	34/50 kp7	10/7/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
308	Đào Đức Hiếu	3603570238	47A8057608	271683265	31/49 kp7	9/7/2021	3,000,000		
309	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	3600826756	47A8039701	270827162	tổ 47 kp7	11/7/2021	3,000,000		
310	Nguyễn Văn Chính	3602563982	47A8028686	270408003	49/86 kp7	1/7/2021	3,000,000		
311	Nguyễn Thị Thảo	3600515172	47A8038037	271380253	17A/47 kp7	15/7/2021	3,000,000		
312	Khổng Minh	3601266070	47A8023648	271376813	16/47 kp7	5/5/2021	3,000,000		
313	Trần Thị Hải	8530590398	47A8067520	272178908	70568 kp1	11/7/2021	3,000,000		
314	Vũ Đình Chiêu	3601678476	47A8065945	271506362	521/33 kp6	11/7/2021	3,000,000		
315	Đàm Thị Ngọc ánh	3603730273	47A8067725	272617636	3/55 kp9	7/7/2021	3,000,000		
316	Nguyễn Đình Hoàng	8409259870	47A8061951	270703212	25/47 kp7	7/7/2021	3,000,000		
317	Ngô Thị Hương	8104838295	47A8044937	075158000942	39/86 kp7	11/7/2021	3,000,000		
13. Phường Tân Phong									
318	Vũ Thị Thanh	3600803741	47A8013947	271103124	97-KP2-P.TÂN PHONG	10/07/2021-22/08/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
319	Phạm Minh Tuyền	3600942329	47A8002595	270641231	93/69-KP8-P.TÂN PHONG	01/08/2021-26/08/2021	3,000,000		
320	Hoàng Thị Huệ	3603683418	47A8065252	034172002613	95/46,NAQ-KP8-P.TÂN PHONG	01/07/2021-25/08/2021	3,000,000		
321	Trình Thị Thanh Hồng	3600334289	47A8000707	270695767	CHỢ TÂN PHONG	08/07/2021-24/08/2021	3,000,000		
322	Nguyễn Xuân Chiến	3600518328	47A8040275	272039277	90/4,TỎ 33-KP7-P.TÂN PHONG	09/07/2021-22/08/2021	3,000,000		
323	Hoàng Anh Toàn	3600798851	47A8002909	270949762	117,QL1-KP3-P.TÂN PHONG	09/07/2021-27/08/2021	3,000,000		
324	Vũ Đức Tiếp	8090575903	47A8066343	272201224	01-KP11-P.TÂN PHONG	09/07/2021-28/08/2021	3,000,000		
325	Nguyễn Thị Kim Dung	3600330358	47A8005034	270134520	SAP 125-126-CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021-29/08/2021	3,000,000		
326	Nguyễn Thị Tuyết Lan	3600336254	47A8004648	270934247	SAP 82-83-84-CHỢ TÂN PHONG	09/07/2021-29/08/2021	3,000,000		
327	Huỳnh Thị Kim Huyền	3600340028	47A8003687	270141989	CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021-29/08/2021	3,000,000		
328	Đỗ Thị Mỹ	3600330196	47A8002668	270140071	KIOS 12-CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021-29/08/2021	3,000,000		
329	La Cầu Kiu'(La Thị Kiu')	3600305986	47A8006601	270140231	SAP 178-CHỢ TÂN PHONG	11/07/2021-30/08/2021	3,000,000		
330	Lương Bạch Hổ	3600885462	47A8018280	270696597	CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021-30/08/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
331	Nguyễn Vương Vũ	3601579059	47A8064033	271373639	07-KP2-P.TÂN PHONG	10/07/2021 - 31/08/2021	3,000,000		
332	Ngô Thị Như Liễu	3600330647	47A8002203	270017046	KIOS 19-20-CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021 - 23/08/2021	3,000,000		
333	Nguyễn Thị Lan Hương	3600330439	47A8002215	271802843	KIOS 21-CHỢ TÂN PHONG	09/07/2021 - 30/08/2021	3,000,000		
334	Đỗ Thị Lý	8283268698	47A8069349	271073810	KIOS 42-CHỢ TÂN PHONG	09/07/2021 - 28/08/2021	3,000,000		
335	Nguyễn Thị Thu Thảo	3602443445	47A8028337	270892647	KIOS 33-CHỢ TÂN PHONG	09/07/2021 - 30/08/2021	3,000,000		
336	Nguyễn Thị Thúy Nga	3600340003	47A8002656	270101509	KIOS 24-25-CHỢ TÂN PHONG	10/07/2021 - 28/08/2021	3,000,000		
337	Nguyễn Thị Thay	3600337850	47A8005875	270781610	57-KP2-P.TÂN PHONG	09/07/2021 - 30/08/2021	3,000,000		
14. Phường Tân Biên									
338	Tô Thị Thu Loan	3600924369	47A804983	271415624	73, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
339	Đỗ Thị Chi	3600595192	A8003298	270602280	86/4, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
340	Nguyễn Thái Bình	8113359154	47A8057235	271415249	119/4, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
341	Phạm Thị Ly	3600370985	47A8002574	270794722	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
342	Phùng Thị vệ	3600303202	47A8002650	270014866	63/5, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
343	Phạm Thị Bích Hợp	3603545432	47A8058070	270703555	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
344	Lê phạm Ái Phương	3600341769	4707003110/HKD	271168889	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
345	Phạm Thị Mông Tuyền	3603069529	47A8038751	272087857	146/2, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
346	Vũ Thị Phương Lan	3600980444	47A8021216	272648343	kp5b	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
347	Nguyễn Văn Hòa	8219745953	47A8036330	272287809	399,8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
348	Chu Mạnh Trang	3600299570	4748023991	270391318	kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
349	Đặng Thị Tường Hiền	3600469303	47A8063099	270914125	289, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
350	Vũ Thị Bắc	8219746467	47A8045146	270623896	852B, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
351	Trịnh Văn Định	3601009267	47A8034719	271157458	325/3, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
352	Nguyễn Văn Long	3600292247	47A8008555	270859553	12/3, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
353	Bùi Chí Khang	3603400042	47A8050367	272433471	834M, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
354	Phạm Thế Phong	3600687823	47A8008310	270788718	158/3F, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
355	Lê Thị Mai Hạnh	8314665592	47A8054541	272298979	798,kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
356	Hoàng Đình Tắm	8402880510	47A8061057	271379265	25B/3, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
357	Trần Xuân Bộ	3603055685	47A8037058	272203594	328/3, kp8B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
358	Bùi Thị Kim Phước	3603447386	47A8052669	270704222	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
359	Cao Thị hồng Nhung	3600326270	47A8001063	270414066	94,NAQ, kp7	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
360	Quách Thị Kim Thanh	3600325238	47A8042401	270392363	43/2,kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
361	Phạm Thị Hoàng	3603467110	47A8053943	272760234	490,NAQ, kp8,hồ Nai	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
362	Đào Thị Hoàng Anh	8059479549	47A8037980	271548834	1B/2, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
363	Nguyễn Văn Hoạt	3603044757	47A8036996	151011138	55/7,kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
364	Phạm Văn Đức	8091487255	47A8039850	271740111	288c/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
365	Phạm Thị Bích Hằng	3603074769	47A8038985	270794310	177XLHL, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
366	Phạm Văn Bằng	3602416378	47A8027733	270703984	4A/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
367	Nguyễn Xuân Bình	3603297839	47A8046531	272037665	57/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
368	Phạm Thị Thúy	8219722956	47A8066010	270730898	8/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
369	nguyễn Thị Trang Bích Liễu	3600404803	47A8041922	270985239	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
370	Đinh văn Tỉnh	3602416385	47A8029882	270089818	13D/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
371	Phạm vũ Mai Thị	3602380805	47A8029296	272238077	56/7B,XLHN, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
372	Nguyễn Thị Thủy uyên	8283259118	47A8038913	270704358	19(55A/7 số cũ), kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
373	Nguyễn Thị Toán	3600313585	3300/TMBH	270385937	1/7A, kp 5	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
374	nguyễn Thị Thu Hương	8423001087	47A8057372	272036823	5/9, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
375	Nguyễn Văn Sự	3600510329	47A8021818	270402794	72/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
376	Nguyễn Văn Xuân	3600313514	3529/TMBH	270401477	2/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
377	nguyễn Thị Ngọc Thùy	8334936064	47A8050509	271437737	93A/7, kp5	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
378	Đặng Tường Hoan	3600310697	47A8000331	270410419	72A/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
379	Nguyễn Ngọc Lương	3600369059	47A8067537	2703870505	93/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
380	Đào Thị Bạch Yến	3600299958	47A8000524	270391502	71/5, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
381	Đào Duy Vũ	3602416699	47A8029480	271548596	95/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
382	Đào Văn Hùng	3600459464	6484/KH1.BH	271339692	68/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
383	Lương Thị Ánh tuyết	8121424128	47A8057417	271380817	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
384	Dương Văn Thanh	3603343436	47A8052841	272689027	67C/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
385	Trần Đức Dũng	8639309526	47A8071575	272357274	365, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
386	Nguyễn Quang Vinh	8041151355	47A8033953	271854233	422/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
387	Vũ Thị Bích Hằng	3602925431	47A8035512	270391109	85/2, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
388	Phạm Thị Thúy Hằng	8078469190	47A8046473	271870583	287, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
389	nguyễn Thị Thanh Tuyền	8034766277	47A8060137	271971361	41NAQ	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
390	Trần đức Thùy	8219734334	47A8059697	271474975	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
391	Bùi Đức Thanh	3603062770	47A8041645	270985243	113/12/80, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
392	nguyễn Minh Liên	3600527499	47A8032727	271870199	56/7X.LHN, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
393	Phạm Thị Hải Vân	3603169322	47A8041224	271358612	134A/6, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
394	Phạm Thủy Diễm	3600664343	47A8055188	271740851	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
395	Trần Thị Kim	3603470392	47A8054154	270970003	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
396	Nguyễn Thị Thùy Dung	3603544277	47A8058072	271242561	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
397	Vũ Thị Nhã	3600341800	4707000592	270391334	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
398	Trần Thị Thanh Tươi	3600842003	47A8018756	276006653	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
399	Vũ Thị Thúy	3600272794	2563	270746007	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
400	Nguyễn Thị Tuyết Lan	3600298721	47A8003079	270794511	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
401	Phạm Thị Kim Dung	3600343117	3844	270746066	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
402	Phạm Thị Ngọc Duyên	3600272716	3842	270794066	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
403	Nguyễn Thị Tú Uyên	3601385487	47A8059158	271323765	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
404	Phạm Thị Hồi	3600330076	47A8002543	270392120	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
405	Đỗ Thị hương Nga	3600659061	47A8066732	270716769	86A/5 KP9	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
406	Trần Thị Thu	3603783282	47A8070664	272760364	202/5 KP9	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
407	Vũ Thị Luyến	3600980451	47A80206689	271059506	105A/ KP9	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
408	Phạm Thị Kim Thịnh	3600313433	47A8034016	271067375	69A/7 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
409	Phạm Thị Mai Linh	3600313810	47A8049733	270794707	112/7 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
410	Lê Thị Thúy An	3601829767	47A8053089	271471014	F5 KP6A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
411	Nguyễn Thị Út Phương	3600336092	4707003741	271157283	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
412	Triệu Thị Hoàng Yến	8353733574	47A8062288	271671202	40B/7 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
413	Nguyễn Thị Thái	3600330372	47A800310	270401597	AC3 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
414	Đào Thị Tuyết Nhi	3603596934	47A8060611	272611210	101/1 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
415	Đào Ngọc Luân	3600840493	47A8015435	271740931	7/7A KP5	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
416	Phạm Thị Thanh Tuyên	3603648621	47A8063148	272087903	56A/7 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
417	Phạm Thị Thu Thủy	3600312158	47A8001831	270402139	12C/7 Kp5	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
418	Lê Thị Phương Quỳnh	8539223970	47A8061910	271548846	80B/7 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
419	Đào Thị Ngọc Khánh	3602910058	47A8035342	271914403	62/7C KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
420	Phạm Thị Hoa	3600329779	47A8053269	75166000965	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
421	Nguyễn Thị Thanh Thủy	3603401695	47A8058253	271740299	1/30 KP5	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
422	Phạm Thị Thu trầm	3600271769	47A8003726	271158707	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
423	Phan Vũ Quang Triền	8597808182	47A8063000	271422866	160 Khu phố 12, hẻm nai	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
424	Nguyễn Văn Nam	0304449291	47A8063859	182528654	61/5, Khu Phố 5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
425	Nguyễn Văn Quyết	3600814486	47A8003950	160614522	473/8, Xa lộ Hà Nội	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
426	Đào Tú Văn Dũng	3600309606	47A8000599	271548504	57C/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
427	Phạm Hùng Sơn	3603151639	47A8040688	271067273	433/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
428	Nguyễn Thị Dung	3600826001	47A8071653	271849802	Chợ Đêm	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
429	Phạm Thị Trúc Anh	3603642612	47A8062122	272271640	54/52, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
430	Phạm Thị Hoa	3600338195	47A8054153	272899601	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
431	Vương Văn Mừng	3603620721	47A8061559	272979901	Tổ 13 KP8	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
432	Đào Ngọc Ánh	8049214688	47A8044427	270794838	121B/4, QL1A KP10	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
433	Cao Ngọc Phương Thy	8305136465	47A8057620	272271768	Chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
434	Phạm Văn Ngân	3600705222	47A8008617	272271478	487/8 KP5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
15. Bình Đa									
435	Hoàng Đại Thắng	3600292670	47A8018105	271387977	254/3, tổ 18, kp3	9/06/2021 - 31/08/2021	3,000,000		
436	Mai Thị Vang	3600295103	1690/TM.BH	270031036	344, tổ 22, kp3	1/06/2021 - 31/08/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
437	Phạm Công Thành	3600299549	1714	270730158	45/4, tổ 25, kp3	16/8/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
438	Tạ Văn Tuấn	3600510431	47A8024993	270893630	225B/1, tổ 1, kp1	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
439	Phạm Văn Chính	3603554236	47A8058540	271234619	243 tổ 18, kp3	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
440	Phạm Hữu Tiếp	3603388638	47A8049921	151590968	335a, tổ 22, kp3	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
441	Bùi Viết Mão	8057984384	47A8033970	271289136	39/1, tổ 1, kp1	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
442	Trần Việt Bằng	8103706137	47A8062334	271255584	195, tổ 40, kp4	12/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
443	Phùng Văn Duy	8559135183	47A8061918	271948691	56/4, TQT, kp3	9/7/2021 - 15/8/2021	3,000,000		
444	Nguyễn Thanh Tĩnh	8031853669	47A8038885	271645766	211, kp4	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
445	Phạm Minh Tuấn	8101545325	478063296	271979803	3, tổ 15C1, kp2	1/7/2021 - 30/8/2022	3,000,000		
446	Nguyễn Xuân Tùng	8068664805	47A8058375	271705769	168, TQT, kp4	9/7/2021 - 30/8/2021	3,000,000		
447	Lê Thị Cúc	8102807580	47A8061375	163231515	4/29, VHP, kp2	9/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
448	Nguyễn Thị Thoa	3603206616	47A8042771	038167006766	15D3, kp2	9/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
449	Hoàng Thị Kim	3600452532	47A8000156	270695434	175A, tổ 14A1, kp2	1/5/2021 - 30/8/2023	3,000,000		
450	Nguyễn Danh Thuận	8127788724	47A8068535	271062661	201, tổ 29C, kp2	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
451	Vũ Thị Kim Phụng	8046323199	47A8041508	271965369	2, VHP, kp2	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
452	Đào Xuân Minh	3602356231	47A8026664	272130434	K1/1, tổ 15D, kp2	19/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
453	Quách Đình Hưng	3600777530	47A8012161	272122204	tổ 17A1, kp2	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
	Tổng cộng: 453 hộ						1,359,000,000		

II. DANH SÁCH HỘ KINH DOANH THU NHẬP THẤP KHÔNG NỘ THUẾ

1. Phường Bửu Long									
1	Mai Văn Trường	3603713768	47A8066723	033081001322	1/6B kp1, P. Bửu Long	1/5/2021-31/8/2021	3,000,000		
2	Nguyễn Văn Hùng	3600902446	47A8023643	271691439	16/9H tổ 11 kp2, P. Bửu Long	1/8/2021-31/8/2021	3,000,000		
3	Trần Phan Đoàn Trang	3602591972	47A8058236	271458321	22/5 tổ 21, kp4, P. Bửu Long	09/7/2021-31/8/2021	3,000,000		
2. Phường Phước Tân									

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
4	Bùi Văn Điển	3603543065	47A8057998	270752915	26, tổ 12, KP Tân Mai,	5/5/2021	3,000,000		
5	Trần Văn Tạo	3602495588	47A8040042	271432338	7,tổ 4, ấp Tân Mai 2	31/5/2021	3,000,000		
6	Văn Thanh Quang	3603516689	47A8057060	197306680	727, Ấp Hương Phước	20/7/2021	3,000,000		
3. Phường Tam Hiệp									
7	Trần Hải Vân	3603667688	47A8064310	272966863	769 KP5 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
8	Huỳnh Ngọc Nhân	3603460281	47A8053484	272857577	610 KP5 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
4. Phường Bình Đa									
9	Lê Linh Giang	3603132241	47A8008099	271959079	310/1, tổ 8, kp1	9/06/2021 - 31/08/2021	3,000,000		
10	Hoàng Tiến Phong	3601741329	47A8038799	271563689	419/1, tổ 14A1, kp2	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
11	Nguyễn Thị Ánh Hồng	8287123164	47A8051105	271160714	547A, tổ 14A1, kp2	1/6/2021 - 31/8/2021	3,000,000		
5. Phường Tân Hạnh									
12	Lê Thị Thu Nguyệt	8565411882	47A8069048	270162916	75kp3	11/7/2021 - 31/8/2021	3,000,000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/C CCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
6. Phường An Hòa									
13	Nguyễn Trần Thanh Tuấn	8128646320	47A8051640	024328623	188, tổ 12, khu phố 2, P. An Hòa	16/7/2021 - 08/8/2021	3,000,000		
14	Nguyễn Thị Châu Duyên	8082750693	47A8041559	271696178	47A, tổ 2, khu phố 2, P. An Hòa	01/5/2021 - 28/8/2021	3,000,000		
15	Trần Thanh Thủy	3600862320	47A8066491	271786399	190, tổ 5, khu phố 2, P. An Hòa	31/5/2021	3,000,000		
16	Nguyễn Thị Ngọc Yến	3601181476	47A8059958	270945987	242, tổ 8, khu phố 2, P. An Hòa	10/7/2021	3,000,000		
17	Huỳnh Thị Thu Hạnh	8309087177	47A8057814	271940847	762A, khu phố 2, P. An Hòa	01/8/2021 - 30/9/2021	3,000,000		
7. Phường Hoa Bình									
18	Nguyễn Hoài Nam	8066530027	47A8034410	271535893	259 CMT KP4	13/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
19	Huỳnh Văn Danh	8152094173	47A8026157	270015409	Công viên NVT KP2	13/7/2021- 31/8/2021	3,000,000		
8. Phường Hồ Nai									
20	Đào Minh Nhật	3603761641	47A8069646	272089279	24C/50 kp7	8/7/2021	3,000,000		
9. Phường Tân Biên									

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
21	Phạm Hồng Quân	3601244905	47A8051993	271691336	F21 KP5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
22	Lê Thụy Thái Hân	3603554998	47A8058550	77185000786	161B/6, khu phố 6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
23	Vũ Ngọc Thảo	3603584417	47A8059960	271588252	140/4, kp7	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
24	Nguyễn Việt Lập	3603185074	47A8019503	270914724	33/6 KP6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
25	Phạm Thụy Vy	8041065995	47A8059728	271415641	24/5, kp1	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
Tổng cộng: 25 hộ							75.000.000		
Cộng: I+II= 478 hộ							1.434.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.434.000.000 đồng
(Một tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn)



Võ Văn Phi

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH